

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN
VINAFREIGHT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	14 - 40
8. Phụ lục	41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vinafreight (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Vinafreight (tiền thân là Công ty cổ phần vận tải Ngoại Thương) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Xí nghiệp Dịch vụ kho vận trực thuộc Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302511219 (số cũ: 4103000781), đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 29 tháng 8 năm 2005 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ ba ngày 06 tháng 7 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư ngày 12 tháng 6 năm 2008 về việc chi tiết danh sách cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ năm ngày 21 tháng 6 năm 2013 về bổ sung thông tin về Chi nhánh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ sáu ngày 28 tháng 9 năm 2013 về thay đổi địa chỉ của Chi nhánh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ bảy ngày 19 tháng 5 năm 2014 về việc đổi tên Công ty.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ tám ngày 14 tháng 7 năm 2014 về bổ sung thông tin về địa điểm kinh doanh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ chín ngày 25 tháng 11 năm 2014 về việc thay đổi tên của Chi nhánh.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 38 446 409
- Fax : (08) 38 488 359
- Website : www.vinafreight.com

Các đơn vị trực thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty cổ phần Vinafreight tại TP. Hà Nội	Phòng 4B, tầng 4, 63 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty cổ phần Vinafreight tại TP. Hải Phòng	Phòng 212, tầng 2, số 441 Đà Nẵng, phường Đông Hải 1, quận Hải An, TP. Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển (đối với đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS);
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Bích Lâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 8 năm 2013
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2012
Ông Đỗ Xuân Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2012
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2012
Ông Bùi Việt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2012
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2012
Ông Chu Việt Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2012

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Bích Liên	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2012
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2012

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Bích Lâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2008
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2008

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bích Lâm – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2008).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

5112
IG T
PHÂN
REIC
T.P.H
449815
ÔNG T
NHIỆM HỮU
DÂN VÀ TU
& C
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Bích Liên
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2016





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trung Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0427/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cổ phần Vinafreight (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 02 năm 2016, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

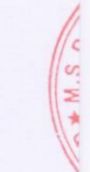
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vinafreight tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 27 tháng 3 năm 2015.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

Trần Thị Thùy Quyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1539-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.879.170.251	82.732.409.378
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40.638.461.109	20.739.534.211
1. Tiền	111		33.194.359.805	12.020.995.378
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.444.101.304	8.718.538.833
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.942.875.000	16.005.252.500
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	12.942.875.000	16.005.252.500
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.254.213.154	45.987.622.667
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	40.530.579.481	42.307.499.542
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.410.051.141	32.602.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	10.549.369.197	8.768.880.984
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.235.786.665)	(5.121.360.359)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		43.620.988	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	43.620.988	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		78.769.987.497	81.450.943.422
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		76.160.000	17.972.100
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		76.160.000	17.972.100
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.517.802.198	3.177.711.120
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.626.949.548	2.074.204.760
- Nguyên giá	222		7.681.163.437	7.715.273.437
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.054.213.889)	(5.641.068.677)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	890.852.650	1.103.506.360
- Nguyên giá	228		1.814.011.679	1.814.011.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(923.159.029)	(710.505.319)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		75.863.731.675	77.995.992.081
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	47.120.408.200	47.120.408.200
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	23.404.680.000	25.625.360.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	7.293.485.327	7.293.485.327
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(1.954.841.852)	(2.043.261.446)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		312.293.624	259.268.121
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	312.293.624	259.268.121
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		179.649.157.748	164.183.352.800

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		39.277.225.327	34.637.668.175
I. Nợ ngắn hạn	310		39.277.225.327	34.637.668.175
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	12.522.659.877	10.844.637.709
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	237.626.332	4.376.476.915
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	7.633.903.803	2.972.588.711
4. Phải trả người lao động	314	V.13	4.284.170.396	3.565.836.418
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	4.549.840.070	6.733.324.713
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	4.143.605.880	2.409.574.740
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	5.905.418.969	3.735.228.969
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

31
IG
PH
RE
T.F



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		140.371.932.421	129.545.684.625
I. Vốn chủ sở hữu	410		140.371.932.421	129.545.684.625
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	56.000.000.000	56.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.000.000.000	56.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.17	2.402.850.000	2.402.850.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.17	(155.000.000)	(155.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17	5.518.000.000	4.518.000.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	76.606.082.421	66.779.834.625
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		53.040.264.625	66.779.834.625
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		23.565.817.796	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		179.649.157.748	164.183.352.800

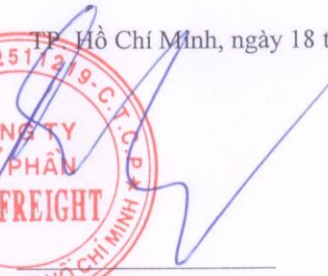
TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2016



Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập biểu



Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	260.932.778.204	266.593.939.725
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		260.932.778.204	266.593.939.725
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	245.779.413.458	248.302.528.717
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.153.364.746	18.291.411.008
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	29.668.184.054	23.721.715.951
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.399.266.631	1.130.445.649
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	11.570.551.295	10.443.700.542
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.851.730.874	30.438.980.768
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.401.595.568	4.951.012.636
12. Chi phí khác	32		-	137.512.492
13. Lợi nhuận khác	40		2.401.595.568	4.813.500.144
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.253.326.442	35.252.480.912
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	2.310.758.646	3.747.582.860
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>31.942.567.796</u>	<u>31.504.898.052</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	-	-

1/2 //
 1/3 //
 1/4 //
 1/5 //
 1/6 //
 1/7 //
 1/8 //
 1/9 //
 1/10 //
 1/11 //
 1/12 //
 1/13 //
 1/14 //
 1/15 //
 1/16 //
 1/17 //
 1/18 //
 1/19 //
 1/20 //
 1/21 //
 1/22 //
 1/23 //
 1/24 //
 1/25 //
 1/26 //
 1/27 //
 1/28 //
 1/29 //
 1/30 //
 1/31 //
 1/32 //
 1/33 //
 1/34 //
 1/35 //
 1/36 //
 1/37 //
 1/38 //
 1/39 //
 1/40 //
 1/41 //
 1/42 //
 1/43 //
 1/44 //
 1/45 //
 1/46 //
 1/47 //
 1/48 //
 1/49 //
 1/50 //
 1/51 //
 1/52 //
 1/53 //
 1/54 //
 1/55 //
 1/56 //
 1/57 //
 1/58 //
 1/59 //
 1/60 //
 1/61 //
 1/62 //
 1/63 //
 1/64 //
 1/65 //
 1/66 //
 1/67 //
 1/68 //
 1/69 //
 1/70 //
 1/71 //
 1/72 //
 1/73 //
 1/74 //
 1/75 //
 1/76 //
 1/77 //
 1/78 //
 1/79 //
 1/80 //
 1/81 //
 1/82 //
 1/83 //
 1/84 //
 1/85 //
 1/86 //
 1/87 //
 1/88 //
 1/89 //
 1/90 //
 1/91 //
 1/92 //
 1/93 //
 1/94 //
 1/95 //
 1/96 //
 1/97 //
 1/98 //
 1/99 //
 1/100 //

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập biểu

Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.253.326.442	35.252.480.912
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	751.798.922	712.288.889
- Các khoản dự phòng	03	V.2b, 6	26.006.712	545.854.140
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(136.593.297)	(237.286.030)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 6	(26.626.745.613)	(22.621.864.154)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.267.793.166	13.651.473.757
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		544.126.372	(5.549.287.870)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.904.330.932	(2.767.765.788)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(96.646.491)	625.835.522
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(4.100.534.220)	(3.008.191.806)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.261.315.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(2.192.630.000)	(5.599.300.526)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.326.439.759	(385.921.711)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, 8	(1.200.090.000)	(739.242.691)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		38.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(23.809.888.378)	(18.920.760.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.975.200.000	5.743.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.770.078.861	3.229.270.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.266.978.050	22.759.376.646
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		30.040.460.351	12.072.143.955

19.1

HT

18.12

3 T
H H
VAT
3 C

PHC

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT


Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

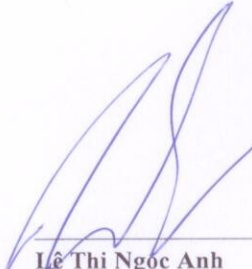
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.15, 17	(16.707.472.500)	(17.264.388.250)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(16.707.472.500)</u>	<u>(17.264.388.250)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		19.659.427.610	(5.578.166.006)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	20.739.534.211	26.146.312.937
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		239.499.288	171.387.280
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>40.638.461.109</u>	<u>20.739.534.211</u>


Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập biểu


Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng


Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Vinafreight (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS); Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; Kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH dịch vụ hàng không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)	39B Trường Sơn, lầu 11, tòa nhà Hải Âu phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa.	90,00%	90,00%	90,00%
Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Con Đường Việt (Vietway) ⁽ⁱ⁾	A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa; Đại lý bán vé máy bay.	45,90%	45,90%	94,90%
Công ty TNHH hậu cần toàn cầu SFS Việt Nam	A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận hàng hóa.	100,00%	100,00%	100,00%

⁽ⁱ⁾ Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu của Công ty trong Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Con Đường Việt (Vietway) là dưới 51% nhưng Công ty con của Công ty là Công ty TNHH dịch vụ hàng không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation) cũng đầu tư vào Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Con Đường Việt (Vietway) với tỷ lệ sở hữu là 49%. Do vậy Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Con Đường Việt (Vietway) bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Con Đường Việt (Vietway) được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH S5 Asia (tên cũ: Công ty TNHH dịch vụ hàng hải Jardine (Việt Nam)) ⁽ⁱ⁾	Phòng 502-503, lầu 5, số 45 đường Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Đại lý tàu biển	51,00%	51,00%	< 50%
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)	51 Yên Thế, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Đại lý vận tải hàng hóa	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	184 Trần Phú, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Dịch vụ vận tải hàng hóa	29,28%	29,28%	29,28%
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Ngoại Thương (VNT Logistics Jsc)	Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải hàng hóa	23,06%	23,06%	23,06%
Công ty TNHH chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) ⁽ⁱⁱ⁾	18 Đặng Thị Nhu phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa	39,00%	39,00%	39,00%

(i) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu của Công ty trong Công ty TNHH S5 Asia (tên cũ: Công ty TNHH dịch vụ hàng hải Jardine (Việt Nam)) là hơn 50% nhưng theo thỏa thuận Công ty không có quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Do vậy Công ty TNHH S5 Asia không bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty TNHH S5 Asia được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

(ii) Công ty này đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục pháp lý để giải thể Công ty.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Vinafreight tại TP. Hà Nội	Phòng 4B, tầng 4, 63 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty cổ phần Vinafreight tại TP. Hải Phòng	Phòng 212, tầng 2, số 441 Đà Nẵng, phường Đông Hải 1, quận Hải An, TP. Hải Phòng

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 179 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 181 nhân viên).



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được chuyển đổi theo tỷ giá hạch toán là 21.000 VND/USD cho các nghiệp vụ phát sinh từ tháng 1/2015 đến tháng 7/2015 và 22.000 VND/USD cho các nghiệp vụ phát sinh từ tháng 8/2015 đến tháng 12/2015. Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục phi tiền tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

VINAFREIGHT

5004
CƠ
CH NI
M T O
A
GI NH

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục phi tiền tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với doanh thu/nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với chi phí/nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

U.A.
T.A.
49
NG
HỆM
IN VI
&
T.P)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

1/0
V
1/6
15-C
TY
HỮU HẠ
TU VÀ
C
Đ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

30
C
C
N
/



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 - 10 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả khác cho người lao động, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

5

NO
P
P

T

04

01

NI

TOI

A

VH

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

315-c
TY
HỮU
HỢP
C
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	758.686.478	707.726.877
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.435.673.327	11.313.268.501
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	7.444.101.304	8.718.538.833
Cộng	40.638.461.109	20.739.534.211

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	47.120.408.200	-	-	47.120.408.200	-	-
Công ty TNHH dịch vụ hàng không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)	40.500.000.000	-	-	40.500.000.000	-	-
Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Con Đường Việt (Vietway)	5.620.408.200	-	-	5.620.408.200	-	-
Công ty TNHH hậu cần toàn cầu SFS Việt Nam	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	23.404.680.000 (1.954.841.852)	-	-	25.625.360.000 (2.043.261.446)	-	-
Công ty TNHH S5 Asia (tên cũ: Công ty TNHH dịch vụ hàng hải Jardine (Việt Nam))	1.623.330.000 (1.330.841.852)	-	-	1.623.330.000 (1.419.261.446)	-	-
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE)	3.565.350.000	-	-	3.565.350.000	-	-
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	4.392.000.000	-	-	4.392.000.000	-	-

276

TỶ
IN
GB
106



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Ngoại Thương (VNT Logistics Jsc) ⁽ⁱ⁾	13.200.000.000	-	78.210.000.000	13.200.000.000	-	63.360.000.000
Công ty TNHH chuyên phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	624.000.000	(624.000.000)		624.000.000	(624.000.000)	
Công ty TNHH United Arab Shipping Agency (Việt Nam) ⁽ⁱⁱ⁾	-	-		2.220.680.000	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.293.485.327	-	-	7.293.485.327	-	-
Công ty TNHH vận tải ô tô Vi Na Vinatrans (V truck)	726.150.000	-		726.150.000	-	
Công ty liên doanh vận tải Việt Nhật (Konoike Vina)	4.917.335.327	-		4.917.335.327	-	
Công ty cổ phần logistics Vinalink (Vinalink)	1.650.000.000	-	3.602.522.000	1.650.000.000	-	3.203.585.000
Cộng	77.818.573.527	(1.954.841.852)	-	80.039.253.527	(2.043.261.446)	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101352858, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 15 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty cổ phần giao nhận vận tải Ngoại Thương (VNT Logistics Jsc) là 85.852.900.000 VND. Trong năm, Công ty cổ phần giao nhận vận tải Ngoại Thương (VNT Logistics Jsc) phát hành bổ sung 270.000 cổ phiếu để bán cho cán bộ công nhân viên và phát hành bổ sung 2.843.290 cổ phiếu để chi trả cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ phát hành 2:1 là 50% (cổ đông sở hữu 2 cổ phần sẽ được nhận thêm 1 cổ phần) đã làm cho tỷ lệ góp vốn của Công ty vào VNT Logistics Jsc giảm từ 24,12% vốn điều lệ xuống còn 23,06% vốn điều lệ.

(ii) Trong năm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH United Arab Shipping Agency (Việt Nam) với giá chuyển nhượng là 173,137.95 USD. Giá chuyển nhượng này được tính toán trên cơ sở 49% giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH United Arab Shipping Agency (Việt Nam) tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Ngoại trừ Công ty TNHH chuyên phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) đang hoàn tất thủ tục giải thể, các công ty con và công ty liên kết khác vẫn đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.043.261.446	1.613.982.556
Trích lập dự phòng bổ sung	-	429.278.890
Hoàn nhập trong năm	(88.419.594)	-
Số cuối năm	1.954.841.852	2.043.261.446

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH dịch vụ hàng không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)</i>		
Cung cấp dịch vụ cho Vector Aviation	65.084.185	85.604.241
Nhận cung cấp dịch vụ từ Vector Aviation	2.066.580.903	2.064.692.423
Nhận lợi nhuận được chia từ Vector Aviation	15.300.000.000	9.600.000.000
<i>Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Con Đường Việt (Vietway)</i>		
Cung cấp dịch vụ cho Vietway	43.574.080	43.199.494
Mua vé máy bay	67.988.505	77.043.274
Nhận cung cấp dịch vụ từ Vietway	1.440.414.762	667.894.260
Nhận lợi nhuận được chia từ Vietway	2.524.500.000	3.672.000.000
<i>Công ty TNHH hậu cần toàn cầu SFS Việt Nam</i>		
Cung cấp dịch vụ cho SFS	643.684.244	235.040.853
Nhận cung cấp dịch vụ từ SFS	788.156.634	87.394.950
<i>Công ty TNHH S5 Asia (tên cũ: Công ty TNHH dịch vụ hàng hải Jardine (Việt Nam))</i>		
Phí chứng từ, xếp dỡ phải trả	99.717.073	47.466.168
<i>Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE)</i>		
Thu phí dịch vụ	1.333.034.053	1.649.906.636
Phí dịch vụ phải trả	1.400.265	-
Nhận lãi góp vốn được chia	772.032.655	1.221.342.344
<i>Công ty cổ phần giao nhận vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)</i>		
Thu phí dịch vụ chứng từ	36.007.257	6.288.491
Phí giao nhận, xếp dỡ phải trả	354.291.386	8.966.498
Nhận lãi góp vốn được chia	658.800.000	658.800.000
<i>Công ty cổ phần giao nhận vận tải Ngoại Thương (VNT Logistics Jsc)</i>		
Thu phí dịch vụ	107.456.440	37.466.335
Phí dịch vụ vận tải phải trả	981.293.421	1.967.185.116
Nhận lãi góp vốn được chia	3.300.000.000	3.960.000.000

C.T.P. H. MINH

C. T. P. H. MINH
T. O. A.
VH-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.431.449.102</i>	<i>2.030.809.823</i>
Công ty TNHH hậu cần toàn cầu SFS Việt Nam	167.068.783	279.601.426
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam	-	319.759.613
Công ty TNHH chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	1.237.980.319	1.237.980.319
Công ty cổ phần giao nhận kho vận Ngoại Thương Việt Nam	26.400.000	193.468.465
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>39.099.130.379</i>	<i>40.276.689.719</i>
Công ty TNHH Henkel Adhesive Technologies Việt Nam	6.848.164.002	6.180.471.322
Công ty TNHH điện tử Philips Việt Nam	3.976.803.045	2.448.939.271
Công ty TNHH Maersk Việt Nam	383.093.715	4.588.991.754
Công ty TNHH Nissin Logistics Việt Nam	4.251.636.721	78.197.191
Các khách hàng khác	23.639.432.896	26.980.090.181
Cộng	<u>40.530.579.481</u>	<u>42.307.499.542</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt (*)	1.229.491.700	-
Các nhà cung cấp khác	180.559.441	32.602.500
Cộng	<u>1.410.051.141</u>	<u>32.602.500</u>

(*) Trong đó, khoản ứng trước tiền liên quan đến mua sắm tài sản cố định (nguyên giá) là 1.108.200.000 VND.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty liên doanh vận tải Việt Nhật (Konoike Vina) – Phải thu tiền lợi nhuận được chia	772.186.884	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.119.665.753	-	891.679.092	-
Ký quỹ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không	8.562.330.000	-	7.775.447.500	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	43.754.392	-
Ký quỹ ngắn hạn khác	95.186.560	-	58.000.000	-
Cộng	<u>10.549.369.197</u>	<u>-</u>	<u>8.768.880.984</u>	<u>-</u>

149

NG
HIỆM
(N.V.)
&
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		1.237.980.319	-		1.237.980.319	-
Công ty TNHH chuyên phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) – tiền cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	1.237.980.319	-	Trên 3 năm	1.237.980.319	-
Các tổ chức và cá nhân khác		5.185.534.401	1.187.728.056		4.533.416.413	650.036.373
	Dưới 6 tháng	511.561.899	511.561.899	Dưới 6 tháng	243.796.051	243.796.051
	Từ 6 tháng đến 1 năm	645.571.835	451.900.285	Từ 6 tháng đến 1 năm	407.134.454	284.994.118
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	424.090.634	212.045.316	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	88.337.493	44.168.747
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	40.735.183	12.220.555	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	256.924.858	77.077.457
	Trên 3 năm	3.563.574.850	-	Trên 3 năm	3.537.223.557	-
Cộng		6.423.514.720	1.187.728.055		5.771.396.732	650.036.373

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.121.360.359	5.004.785.109
Trích lập dự phòng bổ sung	114.426.306	116.575.250
Số cuối năm	5.235.786.665	5.121.360.359

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	312.293.624	58.847.818
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	200.420.303
Cộng	312.293.624	259.268.121

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.632.973.150	4.419.359.077	662.941.210	7.715.273.437
Mua trong năm	-	-	91.890.000	91.890.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(126.000.000)	-	(126.000.000)
Số cuối năm	2.632.973.150	4.293.359.077	754.831.210	7.681.163.437
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.817.634.864	355.421.210	2.173.056.074
Chờ thanh lý	-	-	-	-

315-C
TY
HỮU HẠ
TƯ VẤN
C
TỔ CHỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.267.282.460	2.834.046.789	539.739.428	5.641.068.677
Khấu hao trong năm	175.531.548	266.053.500	97.560.164	539.145.212
Thanh lý, nhượng bán	-	(126.000.000)	-	(126.000.000)
Số cuối năm	2.442.814.008	2.974.100.289	637.299.592	6.054.213.889
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	365.690.690	1.585.312.288	123.201.782	2.074.204.760
Số cuối năm	190.159.142	1.319.258.788	117.531.618	1.626.949.548
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm
Nguyên giá	
Số đầu năm	1.814.011.679
Số cuối năm	1.814.011.679
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	279.600.220
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	710.505.319
Khấu hao trong năm	212.653.710
Số cuối năm	923.159.029
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	1.103.506.360
Số cuối năm	890.852.650
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	117.772.627	10.183.430
Công ty TNHH dịch vụ hàng không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)	116.324.187	-
Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Con Đường Việt (Vietway)	1.448.440	10.183.430
Phải trả các nhà cung cấp khác	12.404.887.250	10.834.454.279
Cộng	12.522.659.877	10.844.637.709

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	195.069.732
Công ty TNHH dịch vụ hàng không Véc Tư Quốc Tế	-	154.144.334
Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Con Đường Việt	-	3.215.148
Công ty TNHH hậu cần toàn cầu SFS Việt Nam	-	37.710.250
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<u>237.626.332</u>	<u>4.181.407.183</u>
Cộng	<u><u>237.626.332</u></u>	<u><u>4.376.476.915</u></u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	474.652.414	4.890.643.451	(4.973.331.581)	391.964.284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.105.996.931	2.310.758.646	(4.100.534.220)	316.221.357
Thuế thu nhập cá nhân	391.939.366	2.620.279.408	(2.581.932.272)	430.286.502
Tiền thuê đất	-	6.495.431.660	-	6.495.431.660
Các loại thuế khác	-	8.000.000	(8.000.000)	-
Cộng	<u><u>2.972.588.711</u></u>	<u><u>16.325.113.165</u></u>	<u><u>(11.663.798.073)</u></u>	<u><u>7.633.903.803</u></u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.253.326.442	35.252.480.912
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.664.103.317	2.833.224.549
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.807.281.828)	(348.887.280)
Thu nhập chịu thuế	34.110.147.931	37.736.818.181
Thu nhập được miễn thuế	(23.606.699.539)	(20.702.350.636)
Thu nhập tính thuế	10.503.448.392	17.034.467.545
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u><u>2.310.758.646</u></u>	<u><u>3.747.582.860</u></u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 13.709,34 m² đất đang sử dụng làm nhà kho tại quận 7, TP. Hồ Chí Minh với mức giá thuê theo Thông báo hàng năm của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 13 và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí làm hàng phải trả	3.699.840.070	5.605.074.713
Tiền thưởng năng suất phải trả	760.000.000	1.000.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	90.000.000	128.250.000
Cộng	<u>4.549.840.070</u>	<u>6.733.324.713</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>150.000.000</i>	<i>150.000.000</i>
Nhận ký quỹ ngắn hạn Công ty cổ phần giao nhận kho vận Ngoại Thương Việt Nam	150.000.000	150.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>3.993.605.880</i>	<i>2.259.574.740</i>
Kinh phí công đoàn	50.726.510	50.376.076
Cổ tức phải trả	251.291.500	205.264.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn của Công ty TNHH Henkel Adhesive Technologies Việt Nam	2.000.000.000	1.000.000.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn của Công ty TNHH điện tử Philips Việt Nam	613.425.000	613.425.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.078.162.870	390.509.664
Cộng	<u>4.143.605.880</u>	<u>2.409.574.740</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi năm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	2.230.089.821	1.663.000.000	(74.000.000)	3.819.089.821
Quỹ phúc lợi	838.635.711	831.000.000	(149.880.000)	1.519.755.711
Quỹ hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát và Quỹ khen thưởng của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	666.503.437	1.868.820.000	(1.968.750.000)	566.573.437
Cộng	<u>3.735.228.969</u>	<u>4.362.820.000</u>	<u>(2.192.630.000)</u>	<u>5.905.418.969</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. **Vốn chủ sở hữu**

17a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

17b. **Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Transimex – Saigon	20.824.000.000	16.748.000.000
Công ty cổ phần giao nhận kho vận Ngoại Thương Việt Nam	6.080.000.000	6.080.000.000
Các cổ đông khác	28.941.000.000	33.017.000.000
Cổ phiếu quỹ	155.000.000	155.000.000
Cộng	<u>56.000.000.000</u>	<u>56.000.000.000</u>

17c. **Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.600.000	5.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.600.000	5.600.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	15.500	15.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.500	15.500
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.584.500	5.584.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.584.500	5.584.500
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. **Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2015 như sau:

	VND
• Tạm ứng cổ tức cho các cổ đông đợt 1 bằng tiền mặt (10% mệnh giá - đã thực hiện trong năm 2014)	5.584.500.000
• Chia cổ tức cho các cổ đông đợt cuối bằng tiền mặt (15% mệnh giá)	8.376.750.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	1.000.000.000
• Trích quỹ phúc lợi	1.524.000.000
- <i>Trích lập tại Công ty</i>	831.000.000
- <i>Trích lập tại các Công ty con</i>	693.000.000
• Trích quỹ khen thưởng cán bộ công nhân viên	3.049.000.000
- <i>Trích lập tại Công ty</i>	1.663.000.000
- <i>Trích lập tại các Công ty con</i>	1.386.000.000
• Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.228.320.000
• Thương Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Công ty 5% phần vượt kế hoạch	640.500.000

Ngoài ra, Công ty cũng đã chi cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng tiền mặt với tỷ lệ chi trả là 15% mệnh giá theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04-15/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 9 năm 2015.

3448
ÔNG
NHIỆM
DÂN V
1 &
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 596.615,29 USD (số đầu năm là 482.781,37 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cước vận tải quốc tế	112.696.078.284	134.406.273.606
Doanh thu dịch vụ giao nhận hàng hóa	148.236.699.920	132.187.666.119
Cộng	<u>260.932.778.204</u>	<u>266.593.939.725</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần Transimex – Saigon</i>		
Thu phí cước vận tải quốc tế	31.219.399	60.958.403
<i>Công ty cổ phần giao nhận kho vận Ngoại Thương Việt Nam</i>		
Thu phí dịch vụ	536.753.085	2.080.936.990

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	567.024.876	965.997.816
Chi phí nhân công	20.536.883.999	20.349.163.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	463.636.992	533.251.904
Cước vận tải quốc tế, nội địa	124.022.799.396	119.061.782.136
Chi phí làm hàng	76.669.398.084	83.772.459.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	9.689.939.046	15.346.154.258
Các chi phí khác	13.829.731.065	8.273.719.798
Cộng	<u>245.779.413.458</u>	<u>248.302.528.717</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.432.465.395	488.419.872
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.205.677	6.171.784
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.606.699.539	20.702.350.636
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.934.821.285	724.932.629
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	136.593.297	237.286.030
Lãi chuyển nhượng vốn	1.549.398.861	1.562.555.000
Cộng	<u>29.668.184.054</u>	<u>23.721.715.951</u>

111.
G T
H Á
REI
T.P.
913
TY
HỮU
À TU
C
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.487.686.225	701.166.759
Dự phòng tổn thất đầu tư	(88.419.594)	429.278.890
Cộng	<u>1.399.266.631</u>	<u>1.130.445.649</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.938.387.937	4.139.734.553
Chi phí đồ dùng văn phòng	61.218.558	93.453.416
Chi phí khấu hao tài sản cố định	288.161.930	179.036.985
Dự phòng phải thu khó đòi	114.426.306	116.575.250
Chi phí thuê văn phòng	1.524.384.000	1.397.352.000
Dịch vụ mua ngoài (điện, điện thoại, internet ...)	1.273.391.569	920.741.471
Các chi phí khác	3.370.580.995	3.596.806.867
Cộng	<u>11.570.551.295</u>	<u>10.443.700.542</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	38.181.818	-
Tiền đến bù giải phóng mặt bằng tại số 131 Bến Vân Đồn, phường 6, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	1.362.475.000	4.944.649.000
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.000.938.750	-
Các khoản thu nhập khác	-	6.363.636
Cộng	<u>2.401.595.568</u>	<u>4.951.012.636</u>

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	567.024.876	965.997.816
Chi phí nhân công	25.475.271.936	24.488.897.792
Chi phí khấu hao tài sản cố định	751.798.922	712.288.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.179.912.095	220.498.489.431
Chi phí khác	17.375.956.924	12.080.555.331
Cộng	<u>257.349.964.753</u>	<u>258.746.229.259</u>

21
Y
N
GE
10



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.539.600.000	1.440.000.000
Thù lao HĐQT, ban kiểm soát	1.292.250.000	500.020.000
Cộng	2.831.850.000	1.940.020.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Transimex – Saigon	Cổ đông nắm giữ 37,29% vốn điều lệ
Công ty cổ phần giao nhận kho vận Ngoại Thương Việt Nam	Cổ đông nắm giữ 10,89% vốn điều lệ
Công ty TNHH dịch vụ hàng không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)	Công ty con
Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Con Đường Việt (Vietway)	Công ty con
Công ty TNHH hậu cần toàn cầu SFS Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH S5 Asia (tên cũ: Công ty TNHH dịch vụ hàng hải Jardine (Việt Nam))	Công ty liên kết
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Ngoại Thương (VNT Logistics Jsc)	Công ty liên kết
Công ty TNHH chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	Công ty liên kết
Công ty TNHH United Arab Shipping Agency (Việt Nam)	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần Transimex – Saigon		
Chi cước vận tải quốc tế và phí dịch vụ	811.037.283	314.989.655
Chia cổ tức	5.690.100.000	4.320.240.000
Công ty cổ phần giao nhận kho vận Ngoại Thương Việt Nam		
Chi cước vận tải quốc tế và phí dịch vụ	187.551.777	2.034.021.356
Phí thuê văn phòng	1.651.416.000	1.397.352.000
Phí điện, nước của văn phòng thuê	666.681.263	544.367.246
Chia cổ tức	1.174.500.000	1.884.800.000

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.10, V.11 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Ngoại trừ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được trích lập đối với khoản phải thu của Công ty TNHH chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) (xem thuyết minh số V.6), không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

MINH
CÓ
CHỈ
M T C
A
BINH

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản mục được trình bày lại như sau:

	Số liệu trước trình bày lại	Phân loại lại	Số liệu trình bày lại
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</i>			
Đầu tư ngắn hạn	16.005.252.500	(16.005.252.500)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	16.005.252.500	16.005.252.500
Phải thu ngắn hạn khác	43.754.392	8.725.126.592	8.768.880.984
Tài sản ngắn hạn khác	8.725.126.592	(8.725.126.592)	-
Phải thu dài hạn khác	-	17.972.100	17.972.100
Tài sản dài hạn khác	17.972.100	(17.972.100)	-
Phải trả ngắn hạn khác	939.574.740	1.470.000.000	2.409.574.740
Phải trả dài hạn khác	1.470.000.000	(1.470.000.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	3.518.000.000	1.000.000.000	4.518.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ký quỹ hoặc ứng trước phí dịch vụ đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

4496
CÔNG
HIỆM H
ÁN VÀ
& I
TPH

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.638.461.109	-	-	40.638.461.109
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.942.875.000	-	-	12.942.875.000
Phải thu khách hàng	34.107.064.761	511.561.899	5.911.952.821	40.530.579.481
Các khoản phải thu khác	9.505.863.444	-	-	9.505.863.444
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.293.485.327	-	-	7.293.485.327
Cộng	104.487.749.641	511.561.899	5.911.952.821	110.911.264.361
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.739.534.211	-	-	20.739.534.211
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16.005.252.500	-	-	16.005.252.500
Phải thu khách hàng	36.536.102.810	243.796.051	5.527.600.681	42.307.499.542
Các khoản phải thu khác	7.854.419.500	-	-	7.854.419.500
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.293.485.327	-	-	7.293.485.327
Cộng	88.428.794.348	243.796.051	5.527.600.681	94.200.191.080

Thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá là dưới 6 tháng.

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 1 năm trở xuống. Giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	12.522.659.877	10.844.637.709
Các khoản phải trả khác	7.882.719.440	8.092.523.377
Cộng	20.405.379.317	18.937.161.086

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty cung cấp các dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	596.615,29	482.781,37
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	297.500,00	365.500,00
Phải thu khách hàng	236.038,54	277.489,59
Các khoản phải thu khác	102.500,00	134.500,00
Phải trả người bán	(101.084,00)	(290.831,74)
Các khoản phải trả khác	(18.243,35)	(206.411,30)
Tài sản thuần có gốc USD	<u>1.113.326,48</u>	<u>763.027,92</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.650.000.000 VND (số đầu năm là 1.650.000.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.638.461.109	-	20.739.534.211	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.942.875.000	-	16.005.252.500	-
Phải thu khách hàng	40.530.579.481	(5.235.786.665)	42.307.499.542	(5.121.360.359)
Các khoản phải thu khác	9.505.863.444	-	7.854.419.500	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.293.485.327	-	7.293.485.327	-
Cộng	110.911.264.361	(5.235.786.665)	94.200.191.080	(5.121.360.359)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	12.522.659.877	10.844.637.709
Các khoản phải trả khác	7.882.719.440	8.092.523.377
Cộng	20.405.379.317	18.937.161.086

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập biểu

Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	3.518.000.000	55.867.318.850	117.633.168.850
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	31.504.898.052	31.504.898.052
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	1.000.000.000	(3.280.432.277)	(2.280.432.277)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(17.311.950.000)	(17.311.950.000)
Số dư cuối năm trước	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	4.518.000.000	66.779.834.625	129.545.684.625
Số dư đầu năm nay	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	4.518.000.000	66.779.834.625	129.545.684.625
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	31.942.567.796	31.942.567.796
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	1.000.000.000	(5.362.820.000)	(4.362.820.000)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(16.753.500.000)	(16.753.500.000)
Số dư cuối năm nay	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	5.518.000.000	76.606.082.421	140.371.932.421

Nguyễn Trinh Phương Thảo
Người lập biểu

Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2016

